

Từ điển tiếng Nhật ～ Từ ngữ chỉ tháng 2 ～

Tháng 2 còn được gọi là tháng Kisaragi, có nghĩa là tháng mặc thêm áo chống lạnh, chữ “Ki” có khi được viết bằng chữ “Kinu” (lụa) hoặc “I” (y phục) để thể hiện nghĩa mặc thêm áo của tháng 2.

Thế nhưng trên lịch thì tháng 2 đã là tháng “Lập xuân”, tháng mà cái giá lạnh bắt đầu qua đi, ngày dài dần ra, ba hôm lạnh bốn hôm nóng (sankanshion) để trời chuyển dần sang xuân.

Cũng giống như “Lập xuân”, tháng 2 còn có tiết “Vũ thủy”, là một trong 24 tiết của năm. “Vũ thủy” nghĩa là “nước mưa”, ý chỉ băng tuyết tan chảy thành nước mưa. Vào tháng này, cái lạnh đã qua đỉnh, gió lốc ẩm áp đầu xuân Haruichiban thổi, chim Uguisu cất tiếng hót, nhà nông bắt đầu chuẩn bị việc đồng áng.

Khi Haruichiban thổi, cây cối nhú mầm nên tháng 2 còn được gọi là tháng cây cỏ căng phồng “Kusakiharuzuki”, tháng ngấm mai “Umemitsuki”, hoặc tháng mất cây “Konometsuki”.

Là tháng ngắn nhất trong năm, ngoài mặt đã hết tháng nên người Nhật còn có cách nói tháng hai là “tháng 2 trốn”. Tháng này là tháng giao mùa, là tháng mà nàng xuân đã thập thò trước ngõ.

ことばの歳時記 ～2月の季語～

2月の別名を如月（きさらぎ）と呼びますが、寒さがぶりかえし衣を更に着る月ということから、「絹更月」や「衣更月」と綴ることもあります。

ただし暦の上では、寒さがあけて春に入る日とされる「立春」を迎え、だんだんと昼が長くなり、三寒四温（寒い日が三日ぐらい続くと、そのあと四日ぐらいは暖かい日が続くこと）しながら、徐々に春に向かっていきます。

また、立春と同じく二十四節気のひとつである「雨水」。あまり知られてはいませんが、氷雪が溶けて雨水となるという意味で、この頃から寒さも峠を越え、春一番が吹き、鶯の鳴き声が聞こえ始める地域もあり、昔から農耕の準備を始める目安とされてきました。

春一番が吹くと、草木の芽が張り出す月であることから、2月は草木張月（くさきはりづき）や梅見月（うめみつき）、木目月（このめつき）などの別名もあります。

ちなみに2月は、カレンダーの日数が一番少ない月で、あっという間に日にちが経つことから、「2月は逃げる」と表現します。寒さと温かさが交互に入れ替わりながら、春はすぐそこまでやって来ています。